

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở	6
2. Tên cơ sở	7
2.1. Tên cơ sở đầu tư:	7
2.2. Địa điểm thực hiện cơ sở:	7
2.3. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:.....	8
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	9
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	9
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	9
3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	13
5.1. Hiện trạng quy mô nhà xưởng sản xuất và các công trình phụ trợ của nhà máy.....	13
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	15
1. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật cả việc thực hiện cấp giấy phép môi trường.....	15
1.1. Các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện cấp giấy phép môi trường và lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.....	15
1.1.1. Các văn bản pháp luật	15
1.1.2. Các văn bản dưới luật.....	15
1.1.3. Các văn bản dưới luật.....	16
1.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền về dự án	17
2. Sự phù hợp của dự án với các dự án và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.....	18
3. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.	18
3.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải	19
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	20

1.1. Thu gom, thoát nước mưa	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải	20
1.3. Xử lý nước thải.....	22
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	26
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	30
4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	31
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	31
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	31
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	33
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	34
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	36
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	36
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	37
2.1. Nguồn phát sinh:	37
2.2. Dòng khí thải:	37
2.3. Lưu lượng xả thải tối đa:	37
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải.....	37
2.5. Vị trí, phương thức xả thải khí:	37
3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	37
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	39
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	39
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	40
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	42
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	42
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	42
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	42
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	43
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	44
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	45
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ.....	46

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

KÝ HIỆU	NỘI DUNG
ATLD	An toàn lao động
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
NTSH	Nước thải sinh hoạt
GTVT	Giao thông vận tải
GTNT	Giao thông nông thôn
NĐ - CP	Nghị định - Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCCN	Phòng chống cháy nổ
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, phụ liệu khi cơ sở đi vào hoạt động...	11
Bảng 1.2. Bảng nhu cầu sử dụng hoá chất xử lý môi trường của nhà máy	11
Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.....	12
Bảng 1.4. Các hạng mục công trình hiện có của nhà máy	13
Bảng 1.5. Danh mục công trình, máy móc, thiết bị xử lý môi trường công ty đã đầu tư.....	13
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của các công trình trong hệ thống xử lý nước thải	26
Bảng 3.2. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải.	28
Bảng 3.3. Các thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi tại công đoạn nghiền tinh.....	29
Bảng 3.4. Các thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi tại công đoạn ép sản phẩm	30
Bảng 3.5: Danh sách các loại chất thải nguy hại của Dự án.....	31
Bảng 3.6. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	35
Bảng 4.1. Giá trị so sánh các thông số ô nhiễm	36
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các	37
chất ô nhiễm trong dòng khí thải của cơ sở	37
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải trong 2 năm của Công ty	39
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi	40
Bảng 6.1: Thời gian dự kiên vận hành thử nghiệm của nhà máy	42
Bảng 6.2: Kế hoạch quan trắc đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định.....	42

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí thực hiện cơ sở.....	8
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất viên gỗ nén.....	10
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom nước mưa	20
Hình 3.2: Sơ đồ thu gom nước công nghiệp	21
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải phát sinh của nhà máy	21
Hình 3.4. Sơ đồ nguyên lý hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	23
Hình 3.5: Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	24
Hình 3.6: Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý khí thải.....	27
Hình 3.7: Cấu tạo bể lắng xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải	28
Hình 3.8: Quy trình xử lý bụi tại công đoạn nghiền tinh	29
Hình 3.9: Quy trình xử lý bụi và nhiệt tại công đoạn ép sản phẩm	30

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ.

- Địa chỉ văn phòng: Lô số 2, CCN làng nghề Sóc Đăng, huyện Đean Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

Ông: HUANG WEN JUNG

Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0969941086.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 5701499227-001, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ đăng ký lần đầu ngày 11/05/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 05/10/2021.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 0554041414 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ chứng nhận lần đầu ngày 23/06/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/11/2019, cho cơ sở “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu”.

- Thông tin chung về hoạt động của công ty

Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ là Chi nhánh hoạt động dưới sự ủy quyền của Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh. Tại thời điểm lập ĐTM cho Dự án: “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” Chi nhánh có tên là Chi nhánh Công ty TNHH C&P Quảng Ninh – Phú Thọ, đến nay Chi nhánh đã đổi tên thành Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 5701499227-001, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 11/05/2017, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 06/12/2021.

Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ có tiền thân là “Nhà máy chế biến gỗ và ép gỗ nhân tạo” của Công ty Cổ phần Thái Thịnh đã đi vào hoạt động ổn định vào năm 2015 được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 28/07/2014. Đầu năm 2017, nhận thấy việc kinh doanh có nhiều khó khăn nên Công ty Cổ phần Thái Thịnh đã quyết định dừng kinh doanh và chuyển nhượng lại khu đất cho Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh.

Sau khi chuyển nhượng, Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú

Quảng Ninh – Phú Thọ đã tiến hành tu sửa và xây dựng Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu trên nền hạ tầng của nhà máy cũ tại lô số 2, CCN làng nghề Sóc Đăng, xã Sóc Đăng, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 3741/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 với các hạng mục công trình chính như nhà xưởng sản xuất, nhà cơ khí, nhà điều hành, nhà xe, kho chứa chất thải, hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải,....

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường theo nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu của Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” công ty đã tiến hành thiết kế thi công xây dựng các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. Tuân thủ luật bảo vệ môi trường, Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ đã tiến hành lập hồ sơ Kế hoạch vận hành thử nghiệm và Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt theo Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi số 2047/GXN-UBND ngày 20 tháng 05 năm 2021 với các hạng mục được xác nhận hoàn thành bao gồm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung 5 m³/ngày, 01 hệ thống xử lý khí thải của lò đốt và các kho chứa chất thải.

Hiện tại để nâng cao hiệu quả xử lý cải thiện môi trường lao động cho cán bộ công nhân viên trong nhà máy công ty điều chỉnh thay đổi công nghệ xử lý khí thải phát sinh từ lò đốt. Công ty điều chỉnh thay đổi phương pháp xử lý từ lọc bụi khô sang lọc bụi ướt nhằm xử lý triệt để lượng bụi phát sinh. Tuân thủ luật bảo vệ môi trường Công ty tiến hành lập hồ sơ Báo cáo đề xuất môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

2. Tên cơ sở

2.1. Tên cơ sở đầu tư: Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu

2.2. Địa điểm thực hiện cơ sở:

Vị trí thực hiện cơ sở “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” tại lô số 2, CCN làng nghề Sóc Đăng, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ của Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ có tổng diện tích 21.773,9 m². Vị trí này được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 05868 ngày 03 tháng 11 năm 2017. Toàn bộ diện tích đất nhà máy phù hợp với phân khu chức năng và nằm trong quy hoạch CCN làng nghề Sóc Đăng, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Vị trí

tiếp giáp của nhà máy đối với các đối tượng tự nhiên xung quanh như sau:

- Phía Đông Nam và Đông Bắc giáp với Công ty TNHH công nghiệp Hải Mỹ Phú Thọ.
- Phía Tây Bắc và Tây Nam tiếp giáp với khu dân cư xã Sóc Đăng.



Hình 1.1. Vị trí thực hiện cơ sở

2.3. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Sở xây dựng tỉnh Phú Thọ
- Cơ quan thẩm định cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở đầu tư: UBND tỉnh Phú Thọ

2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, các giấy phép môi trường:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường cơ sở “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” tại lô số 2, cụm công nghiệp làng nghề Sóc Đăng, xã Sóc Đăng, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ của Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 3741/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018.

- Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường dự án “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” tại lô số 2, cụm công nghiệp làng nghề Sóc Đăng, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ của Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ được UBND tỉnh Phú Thọ xác nhận tại

Giấy xác nhận số 2047/GXN-UBND ngày 20 tháng 05 năm 2020.

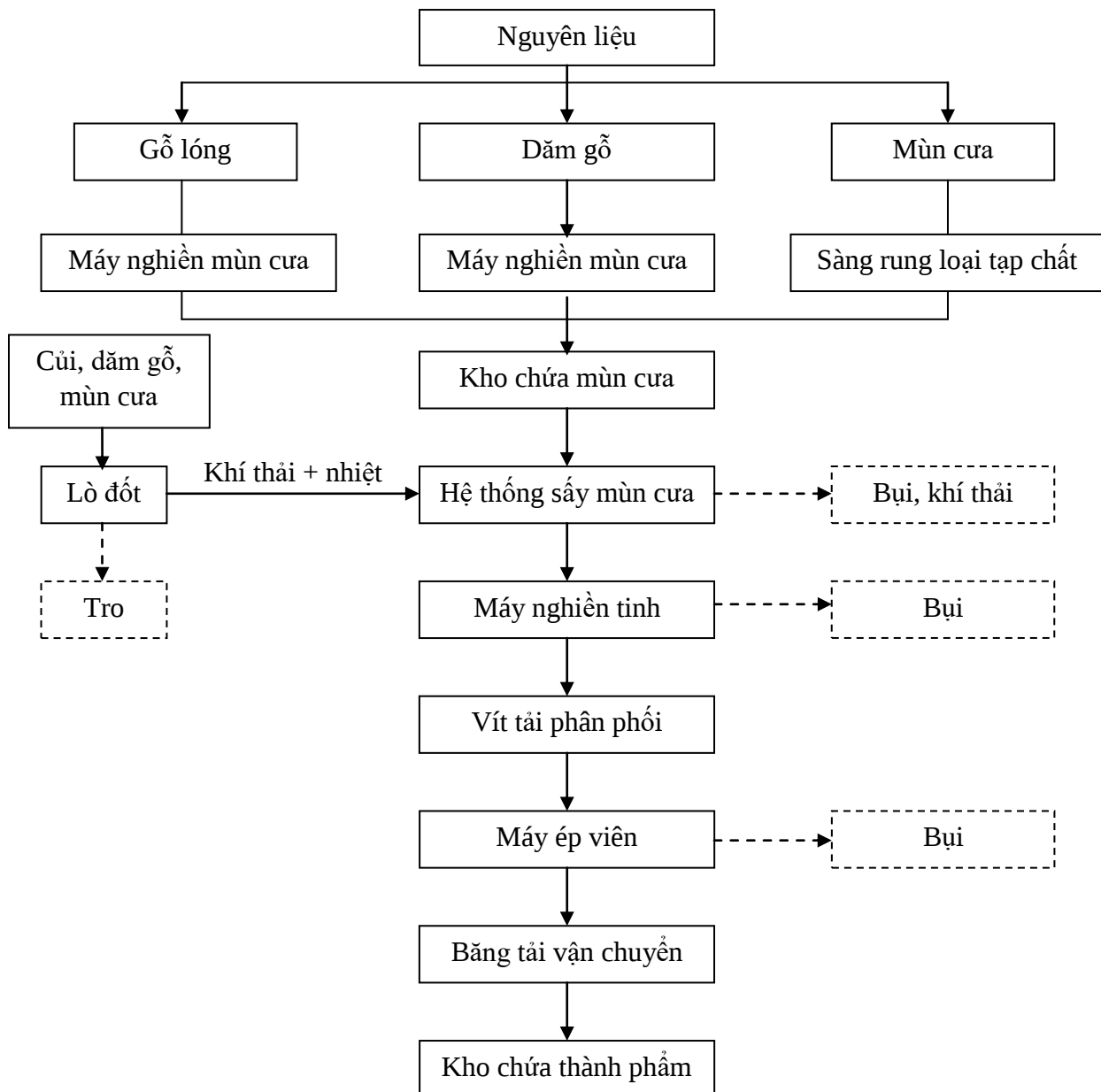
2.5. Quy mô của cơ sở: Cơ sở có tổng vốn đầu tư 140.000.000.000 VNĐ đồng. Quy mô cơ sở thuộc nhóm B theo tiêu chí phân loại cơ sở của luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019. Cơ sở có phát sinh nước thải, khí thải sản xuất, chất thải rắn, thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường và thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Công suất: 60.000 tấn sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất viên gỗ nén

*** Thuyết minh quy trình sản xuất:**

Nguyên liệu để sản xuất viên gỗ nén rất đa dạng và nhiều chủng loại, gồm gỗ rừng trồng, phần lớn là gỗ keo và bạch đàn, các phế phẩm của quá trình khai thác rừng như cánh, nhánh, các phế phẩm của quá trình chế biến viên gỗ như: phôi bào, đầu mẩu, gỗ vụn, mùn cưa,...

Các loại nguyên liệu sẽ được phân loại theo kích cỡ và chủng loại để cho vào máy băm (nguyên liệu có kích thước từ 5x5 cm trở lên - gỗ lóng) hoặc cho vào máy nghiền (nguyên liệu từ 2x2 cm đến 5x5 cm – dăm gỗ) hoặc cho vào sàng rung (nguyên liệu nhỏ dưới 2x2 cm – mùn cưa). Nguyên liệu đầu vào có độ ẩm trung bình khoảng 60%. Khi nguyên liệu đạt kích cỡ mùn cưa, đảm bảo không có tạp chất sẽ được cho vào hệ thống sấy.

Hệ thống thùng quay sấy khô mùn cưa được cấp nhiệt trực tiếp từ lò đốt,

hệ thống sấy được không chế ở nhiệt độ nhất định để đảm bảo mùn cưa đạt độ ẩm khoảng 10-20%. Lò đốt được sử dụng để cấp nhiệt cho hệ thống quay sấy mùn cưa. Nhiệt từ buồng đốt sang buồng sấy theo nguyên tắc chênh lệch áp suất và nhiệt độ. Nhiệt và khí sẽ đi qua các ngăn của lò đốt và tiếp tục đi vào ống dẫn nhiệt để cấp nhiệt cho lò quay sấy mùn cưa. Tro trong lò đốt được công nhân lấy thủ công ra bằng cửa lấy tro.

Tại thùng quay, mùn cưa được di chuyển và trộn đều trong hệ thống sấy mùn quay đến khi đạt độ ẩm theo yêu cầu sẽ được hút ngoài hệ thống sấy bằng quạt hút mùn cưa đạt kích cỡ theo yêu cầu (nghiền tinh). Bụi, khí thải sau khi đi qua thùng quay sẽ tiếp tục được quạt hút đẩy hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Mùn cưa đạt độ ẩm và kích cỡ hạt được chuyển đến thùng chứa, ở đây mùn cưa được chứa một khối lượng nhất định đảm bảo 6 máy ép viên vận hành liên tục và đồng bộ. Máy ép viên sử dụng nhiên liệu điện, không sử dụng xăng dầu qua hệ thống ép thủy lực, nên không phát sinh chất thải từ hoạt động ép viên. Sản phẩm sau máy ép viên sẽ được chạy theo hệ thống băng tải và băng tải gầu để đưa vào kho chứa thành phẩm.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Viên gỗ nén xuất khẩu.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

a. Nhu cầu nguyên, phụ liệu đầu, hóa chất của của nhà máy:

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, phụ liệu khi cơ sở đi vào hoạt động

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất		
1	Gỗ dăm, dăm ván bóc, mùn cưa,...	Tấn	80.160
II	Nguyên vật liệu cho lò đốt		
2	Gỗ dăm, dăm ván bóc, mùn cưa,...	Tấn	12.000

* Nhu cầu về hóa chất cho xử lý môi trường

Do đặc thù sản xuất, nhà máy sử dụng hóa chất cho quá trình xử lý nước thải sinh hoạt, xử lý khí thải của nhà máy như sau:

Bảng 1.2. Bảng nhu cầu sử dụng hoá chất xử lý môi trường của nhà máy

TT	Tên hóa chất	ĐVT	Nhu cầu sử dụng/năm	Mục đích sử dụng trong các công đoạn sản xuất
I. Hóa chất sử dụng hệ thống bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy				
1	Chế phẩm sinh học bồn cầu	kg	60	Xử lý nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại
II. Hóa chất sử dụng vận hành hệ thống xử lý nước thải chung của nhà máy				
1	Viên khử trùng	kg	10	Khử vi sinh vật gây bệnh

b. Nhu cầu sử dụng nước, điện và nguyên liệu phụ trợ khác cho hoạt động của cơ sở

*** Nhu cầu sử dụng nước**

Nhu cầu sử dụng nước sạch của nhà máy khi đi vào hoạt động ổn định được tính toán cụ thể như sau:

+ Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt cho 100 cán bộ công nhân viên khoảng: 4,5 m³/ngày

+ Nước cấp cho quá trình xử lý khí thải: 1 m³/ngày.

+ Nhu cầu nước sử dụng cho rửa đường, tưới cây: 1 m³/ngày.

⇒ Tổng nhu cầu sử dụng nước của nhà máy: 6,5 m³/ngày.

*** Nhu cầu sử dụng điện**

- Nhiên liệu phục vụ sản xuất của nhà máy bao gồm điện, nước. Lượng nhiên liệu phục vụ sản xuất phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất của nhà máy trung bình 3 tháng gần đây là: 1.000.662 kWh/tháng.

- Điện năng tiêu thụ: điện năng phục vụ nhu cầu sản xuất của nhà máy được lấy từ nguồn điện 220KV dẫn về trạm biến áp 560KV của nhà máy.

- **Để phục vụ cho hoạt động sản xuất của nhà máy. Công ty sử dụng các máy móc thiết bị như sau:**

Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất
1	Băng tải PSJ65*8	20	Trung Quốc	2018
2	Băng tải PSJ80*18	2	Trung Quốc	2018
3	Băng tải PSJ80*8	8	Trung Quốc	2018
4	Băng tải SPJ100*20m	4	Trung Quốc	2018
5	Băng tải SPJ80*12	4	Trung Quốc	2018
6	Cân bao jumbo DSC-1000	1	Trung Quốc	2018
7	Hộp dầu thủy lực 10x6x7	1	Trung Quốc	2018
8	Lồng sấy Φ425*4M	1	Trung Quốc	2018
9	Máy cấp liệu Φ273	6	Trung Quốc	2018
10	Máy ép viên XGJ3-850	4	Trung Quốc	2018
11	Máy làm mát SKLN-6	2	Trung Quốc	2018
12	Máy nâng gàu TDJ50*26	2	Trung Quốc	2018
13	Máy nâng gàu TDJ50*40	6	Trung Quốc	2018

14	Máy nghiền GXP75*100	4	Trung Quốc	2018
15	Máy sấy GHGΦ3.5*24	1	Trung Quốc	2018
16	Silo thành phẩm	2	Trung Quốc	2018
17	Thiết bị thu bụi lỗ 210	4	Trung Quốc	2018
18	Tủ điện điều khiển	16	Trung Quốc	2018
19	Vít tải chia liệu Φ350x8m	2	Trung Quốc	2018
20	Máy băm dăm	1	Trung Quốc	2018

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Hiện trạng quy mô nhà xưởng sản xuất và các công trình phụ trợ của nhà máy

Trên tổng diện tích mặt bằng 21.773,9 m² công ty đang quản lý và hoạt động hiện nay, công ty đã xây dựng các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Bảng 1.4. Các hạng mục công trình hiện có của nhà máy

TT	Tên các hạng mục công trình	Đơn vị	Tổng diện tích sàn xây dựng
1	Nhà xưởng sản xuất	m ²	5.040
2	Nhà kho số 1	m ²	1.839,6
3	Nhà cơ khí	m ²	72
4	Nhà kho số 2	m ²	586,3
6	Nhà điều hành	m ²	172,2
7	Nhà ăn	m ²	136
7	Nhà bảo vệ	m ²	9
8	Nhà xe	m ²	48
9	Trạm biến áp	m ²	93,5
10	Bể xử lý nước thải	m ²	156,8
11	Kho chứa CTNH	m ²	20
12	Bể nước trang trí kết hợp với PCCC	m ²	370,4

* Danh mục máy móc, thiết bị xử lý môi trường

Trong quá trình hoạt động nhà máy đã đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo xử lý lượng chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường. Các công trình bảo vệ môi trường hiện có của nhà máy được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 1.5. Danh mục công trình, máy móc, thiết bị xử lý môi trường công ty đã đầu tư

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
I. Thiết bị xử lý khí thải			

1	Téc nước chứa hóa chất xử lý	Chiếc	01
2	Hệ thống xử lý khí thải	HT	01
3	Hệ thống xử lý bụi	HT	06
II. Thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt, công nghiệp, chất thải nguy hại			
1	Thùng đựng rác thải sinh hoạt	Thùng	04
2	Thùng đựng chất thải rắn nguy hại dạng lỏng, rắn	Thùng	05
4	Kho chứa chất thải nguy hại	m ²	20
III. Thiết bị xử lý nước thải			
1	Hệ thống bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt	Bể	02
2	Bể tách mỡ	Bể	01
3	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	HT	01
4	Bể lắng nước mưa	Bể	01
5	Bể lắng dung dịch thải từ lò đốt	Bể	02
6	Máy ép bùn	Máy	01
IV. Thiết bị phòng chống cháy nổ			
1	Bình chữa cháy MFZ 4	Bình	50
2	Bình chữa cháy MT3	Bình	10
3	Bơm chữa cháy	Bơm	03
4	Đèn sự cố	Chiếc	10
5	Bể nước cứu hỏa	m ³	800

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật cả việc thực hiện cấp giấy phép môi trường

1.1. Các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện cấp giấy phép môi trường và lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án

1.1.1. Các văn bản pháp luật

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2020;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 21/06/2012;
- Luật an toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 25/06/2015;
- Luật phòng cháy chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực từ ngày 4/10/2001; Luật phòng cháy chữa cháy sửa đổi số 40/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

1.1.2. Các văn bản dưới luật

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về việc thi hành Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất;

- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập chung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
- Thông tư số 04/2015/BXD ngày 03/04/2015 của Bộ xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp;
- * *Một số văn bản pháp lý khác*
- Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT, ngày 31/12/2008 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bắt buộc áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt quy hoạch công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến 2030.
- Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

1.1.3. Các văn bản dưới luật

- * *Các quy chuẩn về chất lượng không khí*
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- Quy chuẩn QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.
- Quy chuẩn QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- * *Các quy chuẩn về tiếng ồn, độ rung*

- Quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- Quy chuẩn QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – Giá trị cho phép tại môi trường làm việc;
- * *Các quy chuẩn về chất lượng nước*
- Quy chuẩn QCVN 08 – MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy định giá trị giới hạn các thông số chất lượng nước mặt;
- Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp;
- * *Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy chữa cháy và cấp thoát nước:*
- TCVN 2622-1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế; TCVN 5738:2001: Hệ thống báo cháy tự động;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 33-2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế;

1.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền về dự án

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 5701499227-001, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ đăng ký lần đầu ngày 11/05/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 05/10/2021.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 0554041414 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ chứng nhận lần đầu ngày 23/06/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/11/2019, cho cơ sở “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu”.
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” tại lô số 2, CCN làng nghề Sóc Đăng, huyện Đơan Hùng, tỉnh Phú Thọ của Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 3741/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018.
- Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường dự án “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” tại lô số 2, cụm công nghiệp làng nghề Sóc Đăng, huyện Đơan Hùng, tỉnh Phú Thọ của Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ được UBND tỉnh Phú Thọ xác nhận tại Giấy xác nhận số 2047/GXN-UBND ngày 20 tháng 05 năm 2020.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT05868 ngày 03 tháng 11 năm 2017 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ.

2. Sự phù hợp của dự án với các dự án và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

Vị trí thực hiện dự án “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” của Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ nằm trong khuôn viên có diện tích 21.773,9 m² thuộc lô số 2, CCN làng nghề Sóc Đăng, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn phù hợp với định hướng các dự án sản xuất công nghiệp được thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 28/12/2011.

Vị trí Dự án phù hợp với quy hoạch phân khu chức năng của CCN làng nghề Sóc Đăng theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 31/11/2005 và phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ. Định hướng thu hút ngành nghề hoạt động chủ yếu vào cụm công nghiệp bao gồm: các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng; các ngành công nghiệp sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất, chế biến các sản phẩm từ lâm sản, sản xuất giày dép, gia công hàng may mặc, bê tông thương phẩm, vải bạt, bao bì,..... . Hiện tại CCN đã có 04 doanh nghiệp đang hoạt động. Như vậy dự án “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” hoàn toàn phù hợp với quy hoạch ngành nghề sản xuất tại cụm công nghiệp. Dự án sẽ góp phần khai thác quỹ đất của CCN làng nghề Sóc Đăng một cách hiệu quả, thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp địa phương. Ngoài ra, việc thực hiện dự án sẽ góp phần tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động tại địa phương, góp phần giải quyết vấn đề việc làm, phát triển xã hội cho UBND tỉnh Phú Thọ nói chung và huyện Đuan Hùng nói riêng.

3. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Dự án đầu tư “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” tại lô số 2, CCN làng nghề Sóc Đăng, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ đây là khu vực có vị trí địa lý tương đối tốt, có khoảng cách an toàn đến khu dân cư, trường học. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất nhà máy sẽ phát sinh một lượng nước thải và chất thải rắn nhất định với lượng phát sinh không quá lớn. Để giảm thiểu các động của việc phát sinh chất thải trong quá trình hoạt động ra ngoài môi trường công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, khí thải và xây dựng các kho chứa chất thải theo đúng quy định đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường cũng như khu vực xung quanh dự án. Với công nghệ sản xuất tiên tiến cùng với sự quản

lý, giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất và các nguồn thải công ty chúng tôi cam kết rằng các hoạt động của nhà máy sẽ không ảnh hưởng nhiều đến môi trường và đáp ứng được sức chịu tải môi trường khi thực hiện các biện pháp xử lý môi trường khu vực xung quanh.

3.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy bao gồm nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt. Đối với nước thải công nghiệp là nước thải phát sinh từ quá trình xử lý lò đốt sẽ được tuần hoàn tái sử dụng không thải ra ngoài môi trường. Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý tập trung của nhà máy xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp. Với lượng nước thải phát sinh 4,5 m³/ngày được thu gom và xử lý cùng chế độ xả nước thải liên tục 24/24h sẽ không làm thay đổi mực nước hiện tại của khu vực. Hiện nay, Công ty TNHH Ngọc Thịnh Hà Nội đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý đầu tư và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong đó có hạng mục công trình trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

3.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận khí thải

Trong quá trình hoạt động môi trường không khí chịu tác động của khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất, khí thải phát sinh từ các phương tiện ô tô, xe máy của cán bộ công nhân viên. Tuy nhiên, lượng khí thải phát sinh từ hoạt động này không nhiều dễ khuếch tán vào không khí. Mặt khác công ty đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu tại nguồn, tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí tại mỗi khu vực phát sinh trong quá trình sản xuất đảm bảo xử lý hiệu quả lượng khí thải phát sinh đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường nên khả năng tác động đến môi trường là không lớn. Vì vậy, khả năng chịu tải môi trường không khí khu vực hoàn toàn có thể đáp ứng được các hoạt động của nhà máy khi đi vào hoạt động.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

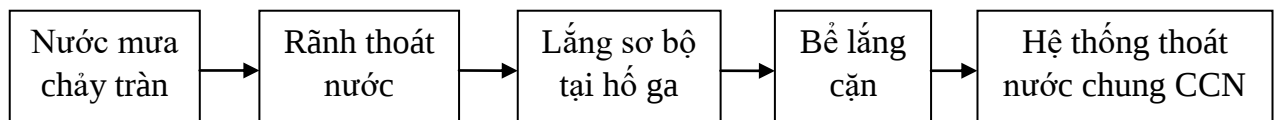
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Xung quanh nhà máy xây dựng hệ thống cống rãnh, có đập nắp đan, chạy bao quanh xưởng sản xuất, các công trình phụ trợ và dọc theo tường rào khuôn viên nhà máy để thu nước mưa chảy tràn. Trên hệ thống thoát nước mưa chảy tràn có bố trí lưới chắn rác và các hố ga lắng cặn sau đó được dẫn về bể lắng nước mưa trước khi thoát ra hệ thống thoát nước mưa của CCN.

Công ty đã xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa kích thước B400 có tổng chiều dài khoảng 600m, có nắp đan bê tông, độ dốc 0,3% và 24 hố ga lắng cặn đi chìm xung quanh nhà xưởng sản xuất để thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn từ sân bãi, mái nhà xưởng sau đó sẽ được dẫn về bể lắng nước mưa 3 ngăn có thể tích 250m^3 (kích thước LxBxH: 22,4x6,56x1,7 m) của công ty để lắng bùn, đất cát, chất rắn lơ lửng,... trước khi thoát ra hệ thống thoát nước mưa của CCN.

Định kỳ kiểm tra nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để có kế hoạch sửa chữa kịp thời.



Hình 3.1: Sơ đồ thu gom nước mưa

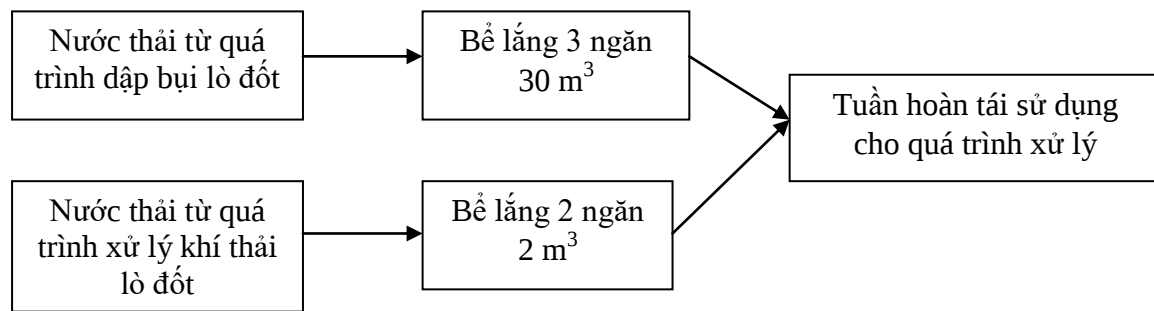
1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Xử lý nước thải sản xuất:

Nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò đốt bao gồm nước thải phát sinh từ quá trình dập bụi ướt và nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải tại giàn phun sương trên ống khói cụ thể như sau:

+ Đối với nước thải phát sinh từ quá trình dập bụi ướt với lượng phát sinh khoảng $2\text{ m}^3/\text{ngày}$ sẽ được thu gom về bể lắng 3 ngăn thể tích 30 m^3 tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình dập bụi không thải ra ngoài môi trường.

+ Đối với nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải phát sinh tại giàn phun sương trên ống khói với lượng phát sinh khoảng $0,25\text{ m}^3/\text{ngày}$ sẽ theo đường ống dẫn về bể lắng 2 ngăn thể tích 2 m^3 để lắng lọc bụi sau đó được bơm tuần hoàn lại hệ thống xử lý khí thải lò đốt, không thải ra ngoài môi trường.



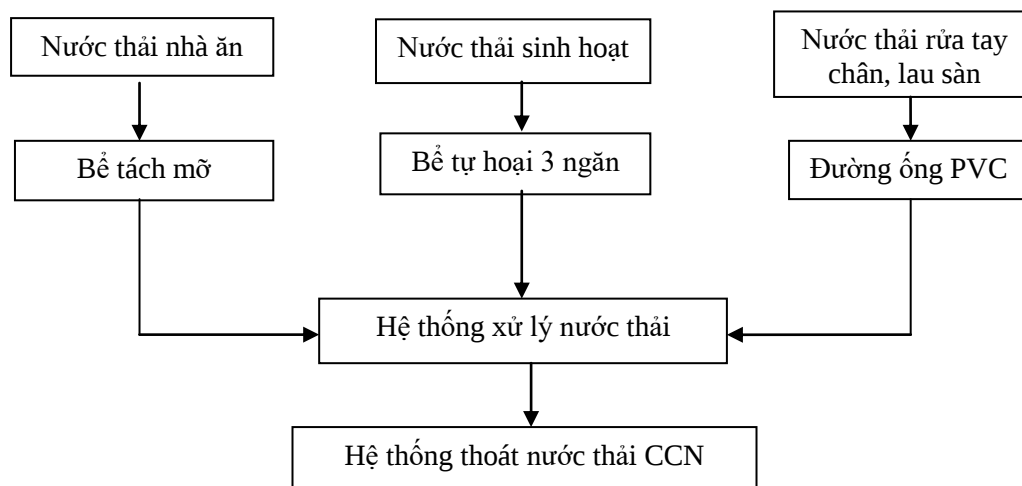
Hình 3.2: Sơ đồ thu gom nước công nghiệp

b. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh và nhà ăn ca của công nhân với số lượng cán bộ công nhân hiện tại là 100 người, lượng nước thải phát sinh là 4,5 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý như sau:

- Nước thải từ khu vực nhà ăn ca với lượng phát sinh 0,675 m³/ngày được thu gom về bể tách mỡ 3 ngăn thể tích 1,6 m³ sau đó theo đường ống PVC đường kính Φ160 mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy xử lý đạt mức A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi ra hệ thống thoát nước của CCN.

- Nước thải rửa tay chân, lau sàn được thu gom bằng đường ống PVC, nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn. Sau đó cả 2 nguồn nước thải được dẫn vào đường ống thu gom nước thải chung PVC đường kính Φ160 mm và PVC đường kính Φ200 mm có tổng chiều dài khoảng 300 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp làng nghề Sóc Đăng.



Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải phát sinh của nhà máy

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

- + Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tập trung được dẫn bằng đường đường ống PVC PVC đường kính Φ110 mm dài 25 m đầu nối với hệ thống thu gom nước thải cụm công nghiệp. Vị trí điểm đầu nối nước thải của nhà máy có

hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3° là: X: 2389812; Y: 544572.

1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải sản xuất

+ Đối với nước thải phát sinh từ quá trình đập bụi ướt: Công ty đã đầu tư xây dựng 01 bể lắng 3 ngăn thể tích 30 m^3 (kích thước $6 \times 2,5 \times 2 \text{ m}$) để thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình đập bụi ướt sau đó tuần hoàn tái sử dụng không thải ra ngoài môi trường.

+ Đối với nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải phát sinh tại giàn phun sương trên ống khói: Công ty đầu tư xây dựng 01 bể lắng 2 ngăn thể tích 2 m^3 (kích thước $L \times B \times H = 2 \times 1 \times 1 \text{ m}$) để thu gom toàn bộ lượng nước phát sinh trong quá trình xử lý khí sau đó tuần hoàn tái sử dụng không thải ra ngoài môi trường.

b. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải phát sinh từ nhà ăn: Công ty đầu tư 01 bể tách mỡ thể tích $1,6 \text{ m}^3$ (kích thước $L \times B \times H = 2 \times 0,8 \times 1 \text{ m}$) để thu gom xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ nhà ăn.

- Đối với nước thải từ nhà vệ sinh. Nước từ các bồn vệ sinh được xử lý qua 02 bể tự 3 ngăn (01 bể có dung tích 20 m^3 , 01 bể có dung tích 6 m^3) sau đó theo đường ống nhựa PVC vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy có công suất $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của CCN.

Công ty đã đầu tư 02 bể tự hoại 3 ngăn (01 bể có dung tích 20 m^3 , 01 bể có dung tích 6 m^3) có tổng thể tích là 26 m^3 .

* Các thông số kỹ thuật thể tích cho bể tự hoại có thể tích 20 m^3 hiện có.

+ Chiều dài bể: 4,0m.

+ Chiều rộng bể: 4,0m.

+ Chiều cao là 1,25m.

* Các thông số kỹ thuật thể tích cho bể tự hoại có thể tích 6 m^3 hiện có:

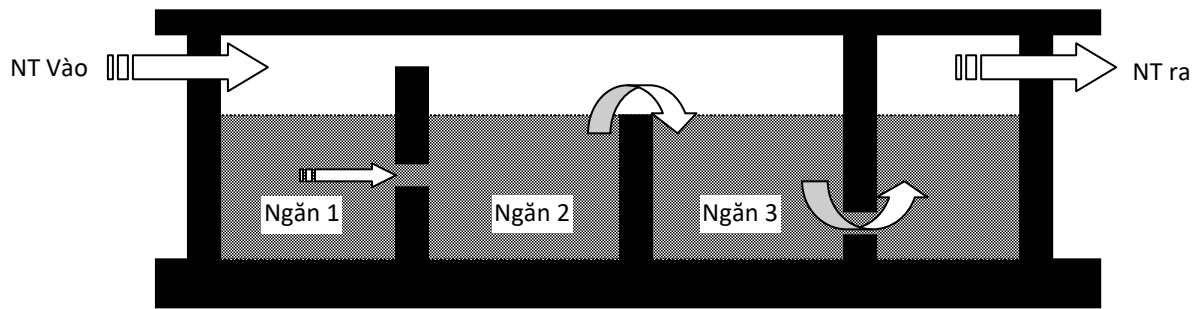
+ Chiều dài bể: 2,0m

+ Chiều rộng bể: 2,0m

+ Chiều cao bể: 1,5m.

Bể tự hoại được xây dựng có thể tích phù hợp với nhu cầu sử dụng của nhà máy. Hiệu suất xử lý của bể tự hoại đạt 70- 75% trong đó loại bỏ được 55-60% tạp chất không tan.

Bể được xây ngầm dưới nền có nắp đan BTCT, lớp bê tông lót móng dày 100mm, vữa xi măng mác #50, dày 150mm, thành xây gạch đặc 75#, thành láng vữa xi măng chống thấm 50#, trát vữa xi măng 75# dày 1,5cm.



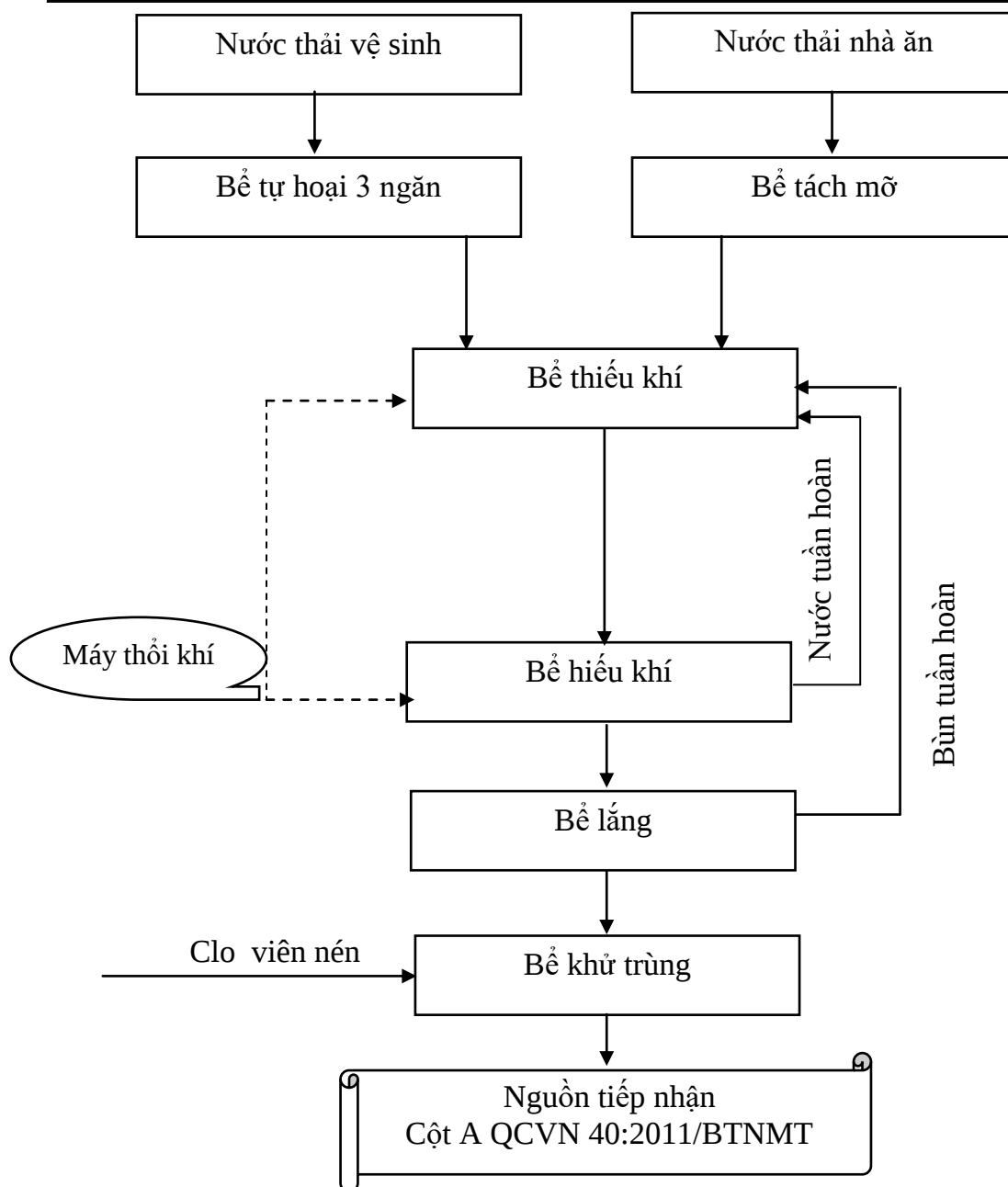
Hình 3.4. Sơ đồ nguyên lý hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Như vậy, với tổng thể tích của 02 bể tự hoại ba ngăn là 26 m^3 sẽ đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh, sau đó toàn bộ lượng nước thải theo đường ống PVC thoát ra hệ thống xử lý thải tập trung của nhà máy để xử lý nước thải đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của CCN.

❖ Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Công ty đã tiến hành thuê nhà thầu xây dựng Công ty TNHH TKN Hà Nội là đơn vị có đủ năng lực về thiết kế, thi công, xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ của nhà máy đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra ngoài môi trường.

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:



Hình 3.5: Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung

** Thuyết minh quy trình công nghệ:*

TT	Tên hạng mục thiết bị	Thuyết minh thiết kế công nghệ
1	Bể tự hoại, nhà ăn ca	Nước thải sau hệ thống xử lý của 2 bể tự hoại. - Bể tự hoại được dẫn bằng đường ống nhựa PVC vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. - Nước thải nhà ăn ca qua song chắn rác đi vào bể tách mỡ có thể tích 1,6 m³ sau đó theo đường ống PVC vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2	Bể thiếu khí (thể tích của bể 3,4 m ³)	Bể xử lý thiếu khí được sử dụng để loại bỏ các ion NO₂⁻ và NO₃⁻ sinh ra trong quá trình chuyển hóa amoni (NH₄⁺) ở bể xử lý hiếu khí. Nước thải và bùn tuần hoàn được hồi lưu bằng bơm từ bể lắng và bể hiếu khí về bể thiếu khí để xử lý NO₂⁻ và NO₃⁻. Bên cạnh đó dưới sự hoạt động của các vi sinh vật thiếu khí nồng độ các chất ô nhiễm khác (BOD, COD, SS, ...) cũng giảm đáng kể. Bể điều thiếu khí có sử dụng hai bơm chìm để bơm nước thải sang bể xử lý hiếu khí. Nước thải được bơm lên và được điều chỉnh qua van để điều chỉnh lưu lượng, bơm hoạt động theo cài đặt thời gian tại tủ điều khiển (bơm chạy luôn phiên ngừng nghỉ, hai bơm 1 bơm chạy 1 bơm nghỉ). Nước thải sau khi bơm lên sẽ chảy sang bể hiếu khí.
3	Bể hiếu khí (thể tích của bể 6,12 m ³)	Nước sau khi qua Bể thiếu khí được đưa sang Bể hiếu khí để thực hiện quá trình xử lý hiếu khí. Tại bể này, Oxi được cung cấp vào bể thông qua hệ thống máy thổi khí đặt cạnh và bộ khuếch tán khí làm tăng khả năng hòa tan oxi vào nước thải. Bể này sử dụng bùn hoạt tính (hệ vi sinh vật hiếu khí) để chuyển hóa các chất ô nhiễm trong nước thải. Hệ vi sinh vật hiếu khí sẽ sử dụng oxi để phân hủy phần lớn các hợp chất hữu cơ có trong nước thải. Kết quả của sự phân hủy các chất hữu cơ bởi hệ vi sinh vật hiếu khí là tạo ra các chất vô cơ đơn giản như CO₂, H₂O, NO₃⁻ ..., và sinh khối mới (bùn hoạt tính). Nước thải tại bể hiếu khí được bơm tuần hoàn một phần trở lại bể thiếu khí để thực hiện quá trình chuyển hoá lượng NO₂⁻ và NO₃⁻ được sinh ra từ bể hiếu khí thành nito tự do và thoát ra ngoài. Sau khi qua Bể hiếu khí, nước thải được đưa sang Bể lắng để thực hiện quá trình lắng bùn.
4	Bể lắng (thể tích của bể 1,7 m ³)	Bể lắng sinh học có chức năng tạo thời gian lưu cần thiết để tách bùn vi sinh (sinh khối) dư thừa có trong nước thải hình thành trong quá trình xử lý hiếu khí. Nước thải được phân phối vào bể bằng ống phân phối trung tâm, dưới tác dụng của trọng lực bùn được lắng xuống đáy bể. Đáy bể lắng được thiết kế có đáy nghiêng 70° để thu bùn lắng. Bùn cặn thu được tại đáy bể lắng được bơm về bể chứa bùn bằng bơm bùn đặt chìm. Bùn cũng được hồi lưu về bể hiếu khí và bể thiếu khí nhằm bổ sung vi sinh vật cho các bể này. Nước được thu vào ống u.PVC D90, tại ống u.PVC D90 có đục lỗ để điều phối lưu lượng nước chảy sang bể khử trùng.

5	Bể khử trùng (thể tích của bể 1,513 m ³)	Bể này có chức năng loại bỏ các loại vi sinh vật gây bệnh ra khỏi nước thải bằng chất khử trùng clo nén dạng bánh (200g/viên) trước khi đưa ra ngoài môi trường. Tiếp đó nước được chảy tự do vào mương thoát nước của công ty.
---	--	---

** Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:*

- Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty TNHH TKN Hà Nội.
- Công suất thiết kế: 5 m³/ngày.đêm
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy
- Chế độ xả nước thải: Liên tục
- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý: Clo viên nén.
- Định mức tiêu hao điện năng: 180 kWh/tháng
- Tiêu chuẩn nước thải đầu ra: Đảm bảo theo cột A của QCVN 40:2011/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của các công trình trong hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Kích thước
1	Bể thiếu khí	Bể	01	LxBxH= 1x2x1,7
2	Bể hiếu khí	Bể	01	LxBxH= 1,8x2x1,7
3	Bể lắng	Bể	01	LxBxH= 1x1x1,7
4	Bể khử trùng	Bể	01	LxBxH= 1x0,89x1,7

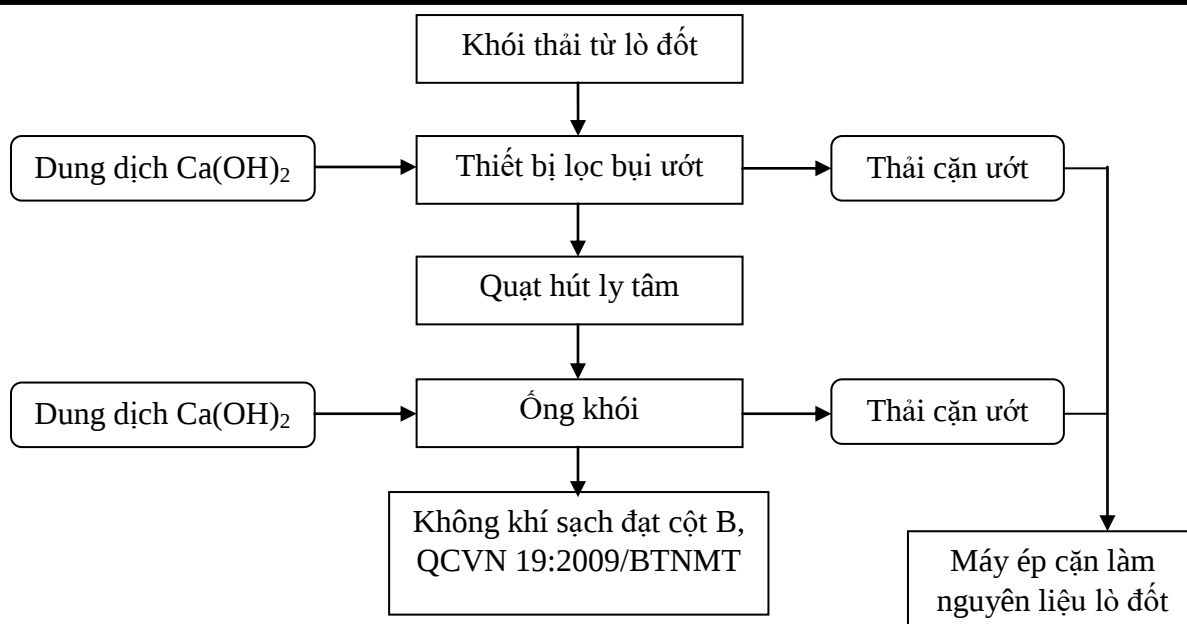
Nước thải của nhà máy được xử lý qua hệ thống tập trung đạt mức B QCVN 40:2011/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó theo đường ống dẫn PVC đường kính Φ110 mm dài 25 m đầu nối với hệ thống thu gom nước thải cụm công nghiệp.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

** Hệ thống xử lý khí, bụi thải từ lò đốt:*

Hệ thống xử lý khí thải lò đốt của nhà máy được nhập khẩu đồng bộ từ Trung Quốc về lắp đặt đảm bảo xử lý khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy trước khi thải ra ngoài môi trường, có chứng chỉ CQ/CQ đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

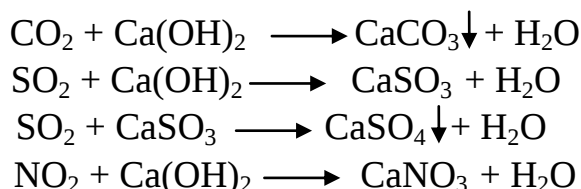
Khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động của lò đốt củi, sẽ được xử lý theo sơ đồ công nghệ sau:



Hình 3.6: Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý khí thải

Đầu tiên, bụi và khí thải từ mỗi lò quay sấy mùn cưa theo đường ống dẫn về thiết bị lọc bụi ướt sử dụng nước vôi trong để dập bụi. Tại đây khí thải và bụi sẽ theo dòng nước dẫn về bể lắng nước thải thể tích 30m³ để lắng cặn phần nước trong sẽ được bơm tuần lại cho quá trình dập bụi ướt. Phần khí sạch sẽ theo ống khói thoát ra ngoài môi trường. Để xử lý triệt để lượng khí thải phát sinh công ty lắp đặt thêm giàn phun sương trên ống khói ở độ cao 12m để phun liên tục dung dịch Ca(OH)₂ từ đỉnh tháp xuống các lớp mâm tiếp xúc, khí thải được dẫn từ dưới đi lên xảy ra quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp việc hấp thụ các chất khí CO, SO_x, NO_x được diễn ra dễ dàng. Cơ cấu của quá trình chia thành ba bước:

- + Khuếch tán các phân tử chất ô nhiễm thể khí trong khối khí thải đến bề mặt của chất hấp thụ.
- + Thâm nhập và hòa tan chất khí vào bề mặt của chất hấp thụ
- + Khuếch tán chất khí đã hòa tan trên bề mặt ngấm cách vào sâu trong lòng khối chất lỏng hấp thụ.

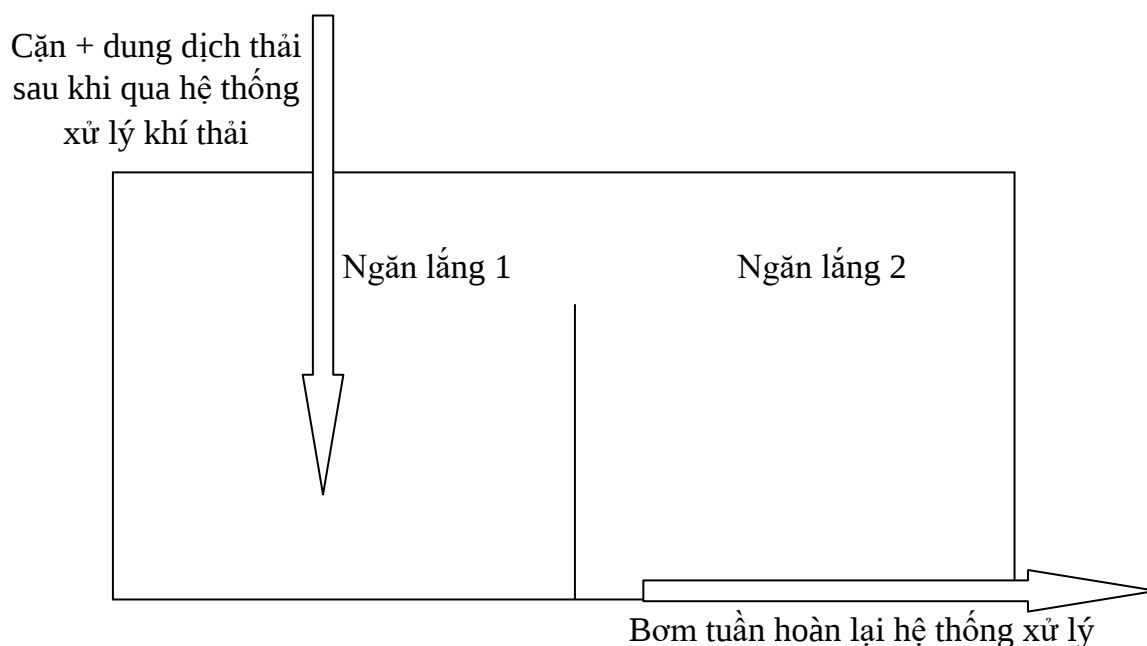


Khí đi ra khỏi ống khói là không khí đã được xử lý đảm bảo QCVN 19:2009/BTNMT cột B.

Dung dịch và cặn lắng dưới chân ống khói sẽ theo đường ống thu gom và xử lý tại bể lắng thể tích 2m³, phần nước trong sẽ được bơm trở lại cho quá trình xử lý khí thải. Quá trình xử lý cặn và nước thải phát sinh trong quá trình xử lý

khí thải như sau:

Hình 3.7: Cấu tạo bể lắng xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải



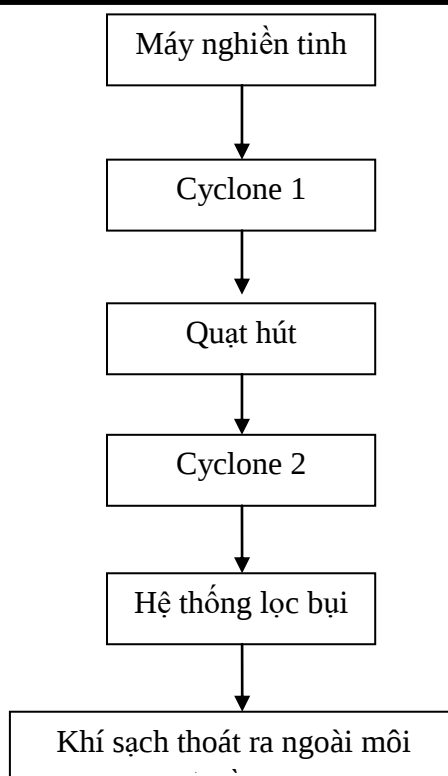
Cặn lắng sẽ được giữ lại đáy bể định kỳ sẽ được thu gom đưa về máy ép để ép khô sau đó làm nguyên liệu cho lò đốt.

Bảng 3.2. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải.

Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật của HTXL khí thải lò đốt
Ống dẫn khí vào	Đường kính: 800 mm, 800 mm
Ống dẫn khí ra	Đường kính: 650 mm, 650 mm
Quạt hút	2 quạt công suất: 29.030 m ³ /h 2 quạt công suất: 18.750 m ³ /h
Ống khói	Đường kính: 1800 mm; Cao: 22 m
Thiết bị lọc bụi ướt	Số lượng: 2 Kích thước: 6x4x3 m/thiết bị
Máy bơm	Công suất: 750 W

* Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền tinh .

Mùn cưa sau khi qua hệ thống sấy sẽ được chuyển đến thùng chứa theo sau đó theo băng tải chuyển đến máy nghiền tinh để nghiền thêm một lần nữa để hạt mùn cưa đạt kích cỡ theo yêu cầu. Bụi phát sinh từ mỗi máy nghiền sẽ đi vào cyclone 1 để thu nguyên liệu, sau đó bụi theo quạt hút đẩy vào cyclone 2 để loại bỏ các hạt bụi có kích thước lớn trong khí thải nhờ phương pháp ly tâm. Để xử lý triệt để hơn nhà máy còn hệ thống lọc bụi túi vải cho mỗi dây truyền. Bụi thu hồi từ quá trình xử lý sẽ được thu gom đóng bao bán cho các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn.



Hình 3.8: Quy trình xử lý bụi tại công đoạn nghiền tinh

Các thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi tại công đoạn nghiền tinh được thể hiện trong bảng sau:

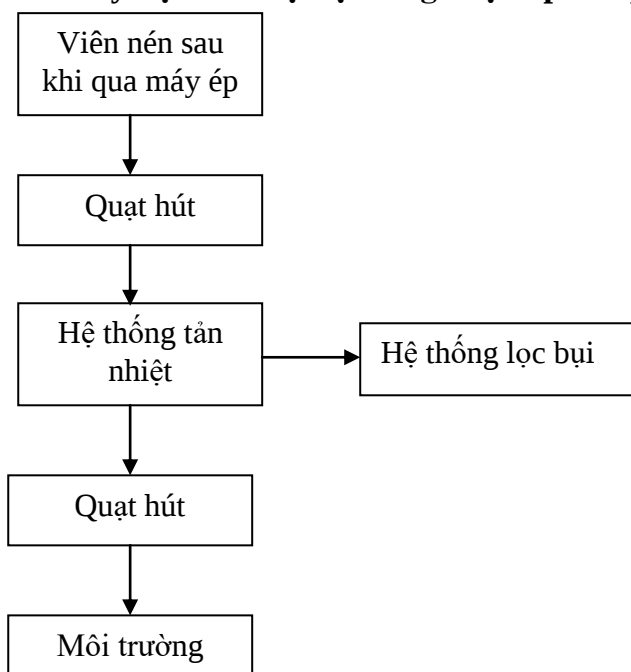
Bảng 3.3. Các thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi tại công đoạn nghiền tinh

Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi tại công đoạn nghiền tinh
Quạt hút	Số lượng: 4 cái Công suất: 10.000 m ³ /h
Ống cyclone	Số lượng: 8 ống Đường kính: 2,5m; Cao: 10m
Hệ thống lọc bụi túi vải	Số lượng: 4 hệ thống (mỗi hệ thống: có 96 túi lọc). Đường kính túi lọc: 0,22m; Chiều dài: 2,5m

** Bụi và nhiệt phát sinh từ công đoạn ép sản phẩm*

Mùn cưa sau khi qua máy nghiền tinh sẽ được băng tải dẫn vào thùng chứa ở đây mùn cưa được chứa một khối lượng nhất định đảm rồi đưa vào máy ép viên để ép sản phẩm. Tại công đoạn ép sản phẩm công ty đã đầu tư 2 dây truyền ép sản phẩm, mỗi dây truyền có 1 hệ thống để lọc bụi và hệ thống tản nhiệt trước khi thoát ra ngoài môi trường. Bụi thu hồi từ quá trình xử lý sẽ được thu gom đóng bao bán cho các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn.

Hình 3.9: Quy trình xử lý bụi và nhiệt tại công đoạn ép sản phẩm



Thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi tại công đoạn ép sản phẩm được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.4. Các thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi tại công đoạn ép sản phẩm

Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật của các thiết bị xử lý bụi tại công đoạn nghiền tinh
Quạt hút	2 quạt công suất: 29.000 m ³ /h 2 quạt công suất: 15.000 m ³ /h
Hệ thống lọc bụi túi vải	Số lượng: 2 hệ thống (mỗi hệ thống: có 96 túi lọc). Đường kính túi lọc: 0,22m; Chiều dài: 2,5m

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sản xuất:

Chất thải trong quá trình sản xuất của nhà máy phát sinh bao gồm tro của lò đốt, cặn lắng từ quá trình xử lý nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò đốt và bụi thu hồi từ quá trình lọc bụi. Đối với tro của lò đốt và bụi thu hồi từ quá trình lọc bụi túi vải sẽ được thu gom cho vào bao bán cho người dân địa phương để bón cho cây trồng. Đối với cặn lắng định kỳ sẽ được thu gom đưa về máy ép để ép kho làm nguyên liệu cho lò đốt.

b. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt: thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy (rau thừa, vỏ hoa quả, thức ăn thừa....), giấy phế thải và các loại phế thải từ khâu phục vụ văn phòng với tổng số lượng cán bộ công nhân viên hiện tại là 70 người thì lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là: $0,3 \times 100 = 30$ kg/ngày. Lượng chất thải này được thu gom vào các thùng chứa chất thải sinh hoạt đặt

xung quanh và thuê Ban quản lý các công trình công cộng huyện Đoan Hùng vận chuyển đi xử lý theo yêu cầu của công ty.

4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, dầu mỡ thải, găng tay, giẻ lau dính dầu, mực in thải,... ước tính phát sinh khoảng 232 kg/năm. Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại chứa trong các thùng phuy 200 lít riêng biệt có dán tên, mã CTNH đặt trong kho lưu giữ chất thải có diện tích 20m² có mái che, cửa khóa, gờ chống tràn có biển cảnh báo chất thải nguy hại và hợp đồng với Công ty TNHH môi trường Phú Minh Vina đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Khối lượng chất thải nguy hại trong 1 năm của Dự án được trình bày như trong bảng sau:

Bảng 3.5: Danh sách các loại chất thải nguy hại của Dự án

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng CTNH phát sinh (kg/năm)
1	Mực in thải	08 02 01	50
2	Giẻ lau, găng tay, dính dầu	18 02 01	80
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	60
4	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	2
5	Bao bì cứng bằng kính loại	18 01 02	30
	Tổng		232

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

* Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất

Để giảm thiểu tác động của bụi phát sinh từ quá trình sản xuất đến sức khỏe cán bộ công nhân viên trong nhà máy và khu vực xung quanh nhà máy, Công ty đã đầu tư hệ thống phun sương trong và trên mái nhà xưởng sản xuất để hạn chế bụi phát tán ra ngoài môi trường.

* Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.

Để hạn chế các tác động của tiếng ồn, độ rung trong khu sản xuất nhằm đảm bảo sức khỏe của cán bộ công nhân viên và tuổi thọ các công trình. Nhà máy sẽ thường xuyên tu sửa và bảo dưỡng máy móc, trồng cây xanh cách ly tiếng ồn và tạo cảnh quan khu vực nhà máy, xây tường cách âm xung quanh có thể giảm được cường độ tiếng ồn từ 6-8 dBA.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

* Biện pháp phòng chống cháy nổ

Để đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định liên tục, nhà máy thường xuyên phải dự trữ một lượng nguyên liệu, phụ liệu (gỗ nguyên liệu) phục vụ sản xuất vì vậy nếu hệ thống kho và các trang thiết bị đi kèm không đảm bảo điều kiện

cho an toàn phòng cháy thì đây là nguy cơ gây cháy và gây sự cố môi trường do chập điện hoặc do ý thức chấp hành của công nhân không tốt.

Để ngăn ngừa các sự cố xảy ra trong quá trình sản xuất công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy trình, quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định của tỉnh, đặc biệt là các quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động. Các biện pháp phòng chống sự cố, rủi ro, cháy nổ, sét đánh, chập điện .v.v...

- Trong quá trình sản xuất và điều hành phải tuân thủ các quy trình bắt buộc: Quy phạm về nội quy an toàn lao động.

- Đối với các thiết bị sử dụng điện phải có tiếp đất an toàn, những nơi nguy hiểm phải có biển báo.

- Thường xuyên phân công cán bộ kiểm tra khu vực bố trí trạm điện, khu vực nhà kho chứa nguyên liệu, sản phẩm.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành thiết bị công nghệ, định lượng chính xác nguyên vật liệu, nhiên liệu để quá trình diễn ra ở mức độ ổn định cao, giảm bớt lượng chất thải, ổn định thành phần và tính chất của chất thải tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và xử lý chất thải;

- Thường xuyên kiểm tra tất cả các loại đồng hồ điện nhằm đảm bảo an toàn trong sản xuất;

- + Hệ thống cấp nước cho công tác PCCC: Nước luôn được chứa đầy trong bể nước tuần hoàn sản xuất, hệ thống ống được dẫn từ bể tới các vị trí quan trọng để lấy nước dễ dàng.

- + Thực hiện công tác huấn luyện cho cán bộ công nhân công tác PCCC.

- * Các tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy mà công ty áp dụng và tuân thủ:

- + TCVN 3254 – 89: An toàn cháy – Yêu cầu chung.

- + TCVN 3991 – 85: Tiêu chuẩn phòng cháy trong thiết kế xây dựng.

- + TCVN 4879 – 89: Phòng cháy – Dấu hiệu an toàn.

- + TCVN 5279 – 90: An toàn cháy nổ - Yêu cầu chung.

- + TCVN 5040 – 90: Thiết bị phòng cháy và chữa cháy.

Và một số tiêu chuẩn khác về thiết bị chữa cháy.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt đủ điều kiện phòng chống cháy nổ của cơ quan có thẩm quyền.

- * ***Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:***

- Trong quá trình thiết kế xây dựng hệ thống nước thải sẽ tính đến hệ số an toàn và các máy móc dự phòng để phòng trường hợp hệ thống xử lý nước thải

gặp sự cố.

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống nước mưa, nước thải, các hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải thực hiện vận hành, lấy mẫu phân tích và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- + Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, tránh trường hợp khả năng chứa nước và xử lý của bể trong hệ thống bị quá tải.

*** Các biện pháp xử lý sự cố lò đốt**

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Định kỳ hàng năm tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải và các hệ thống xử lý bụi khác.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải.

- Ngừng cấp nước

- Tắt quạt gió ngay, đóng hết cửa điều tiết gió.

- Đóng van hơi chính, nếu áp suất lên cao thì kênh van an toàn để xả bỏ hơi để giảm áp suất.

- Khi tắt quạt khói (quạt hút) được khoảng 20 phút thì đóng cửa điều tiết khói để lò nguội tự nhiên.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

*** Các biện pháp an toàn lao động**

- Công nhân tham gia lao động tại nhà máy đều được học tập về các quy định An toàn lao động.

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất tại xưởng sản xuất.

- Thiết lập các bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị, máy móc.

- Công nhân trực tiếp làm các công việc khác nhau sẽ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như gang tay, khẩu trang, kính mắt bảo hộ,... phù hợp với công việc của mình.

- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng

xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố.

- Đối với thiết bị, máy móc trong dây chuyền sản xuất, định kỳ 1 tháng/lần bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành.

- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện.

- Tổ chức khám chữa bệnh định kỳ 02 lần/năm cho công nhân làm việc trong công ty (trong đó chú trọng đến bệnh nghề nghiệp).

- Kiểm soát các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động trên bằng việc tự tổ chức tiến hành quan trắc định kỳ môi trường lao động.

- Đảm bảo 100% cán bộ, nhân viên của Công ty thực hiện mua bảo hiểm.

- Phối hợp với các cơ quan y tế tại địa phương để có thể cứu thương kịp thời các ca tai nạn có thể xảy ra.

*** *Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm nhà ăn ca:***

Công ty quản lý chế hoạt động tại khu vực nhà ăn ca, yêu cầu cụ thể như sau:

- Mua những thực phẩm còn tươi, thực phẩm có nhãn mác ở những cửa hàng cố định, đặc biệt lưu ý hạn sử dụng của sản phẩm;

- Rau quả chỉ có thể bảo quản được từ 3-5 ngày;

- Chú ý khâu vệ sinh tay và dụng cụ ăn uống trong quá trình chế biến thực phẩm;

- Đối với tủ bảo quản thực phẩm: không đưa quá nhiều thứ vào tủ lạnh, chia ngăn bảo quản cho các loại thực phẩm khác nhau, thực phẩm đã nấu chín phải được bảo quản riêng biệt với thực phẩm tươi sống;

- Thực hiện 10 nguyên tắc vàng trong chế biến an toàn thực phẩm.

- Thực hiện các biện pháp diệt ruồi, nhặng, gián, chuột... và các hướng dẫn vệ sinh phòng chống dịch bệnh theo chỉ đạo của ngành y tế.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Để phù hợp với tình hình thực tế, chúng tôi đã điều chỉnh, thay đổi một số công trình so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt trong quá trình xây dựng các công trình bảo vệ môi trường như sau:

Bảng 3.6. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

TT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Lý do thay đổi
1	Công trình xử lý nước thải	Nước thải sinh hoạt, nước từ nhà ăn ca cùng nước thải công nghiệp được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra ngoài môi trường.	Nước thải nhà ăn ca, nước thải sinh hoạt được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra ngoài môi trường. Còn nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất (nước từ quá trình xử lý khí thải lò đốt) được thu gom vào bể lắng để tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình xử lý khí thải lò đốt.	Do nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò đốt chứa phần lớn là hơi nước, một phần rất nhỏ là nước vôi trong thừa và các tạp chất - chất rắn lơ lửng (chất kết tủa từ quá trình xử lý khí thải); không chứa thành phần độc hại nên được xử lý tại bể lắng của nhà máy để lắng lọc bụi sau đó được bơm tuần hoàn lại hệ thống xử lý khí thải lò đốt, không thải ra ngoài môi trường.
2	Công trình xử lý khí, bụi thải	Tại công đoạn nghiền ép nhà máy lắp đặt hệ thống máy sản xuất khép kín, không cho bụi gỗ phát tán vào môi trường.	Tại công đoạn nghiền ép lắp đặt hệ thống lọc bụi để giảm thiểu tác động của bụi đến người lao động và môi trường.	Do trong quá trình thực hiện dự án nhà máy đã thay đổi máy móc tại công đoạn nghiền ép để phù hợp với thực tế sản xuất. Nên trong quá trình sản xuất tại công đoạn nghiền ép có phát sinh ra bụi. Để giảm thiểu bụi phát sinh nhà máy đã lắp đặt hệ thống lọc bụi để giảm thiểu tác động của bụi đến người lao động và môi trường

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải từ quá trình xử lý khí thải được tuần hoàn tái sử dụng không thải ra ngoài môi trường;
- Nguồn số 2: Nước thải nhà ăn ca;
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh;
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 5 m³/ngày.đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (bao gồm nguồn số 02, 03)
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:

Nước thải sau xử lý của cơ sở phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Giá trị so sánh các thông số ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (C _{max})
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	pH	-	5,5-9
3	BOD ₅	mg/l	50
4	TSS	mg/l	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
6	Tổng phot pho	mg/l	6
7	Tổng nitơ	mg/l	40
8	Amoni	mg/l	10
9	Sunfua	mg/l	0,5
10	Coliform	MPN/100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải
 - + Điểm đầu nối nước thải với hệ thống thoát nước thải của CCN làng nghề Sóc Đăng, huyện Đogan Hùng, tỉnh Phú Thọ.
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2389812; Y: 544572 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiếu 3⁰).
 - + Phương thức xả nước thải: tự chảy
 - + Chế độ xả nước thải: Liên tục
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải của cụm công nghiệp làng nghề Sóc Đăng.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Bụi từ quá trình nghiền tinh.
- Nguồn số 02: Bụi từ quá trình ép viên.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ lò đốt

2.2. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt (nguồn số 03)

2.3. Lưu lượng xả thải tối đa: 58.060 m³/h.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong các dòng khí thải của cơ sở phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, với hệ số K_v = 1,0; K_p = 0,9), cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải của cơ sở

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Nhiệt độ	°C	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	180
4	SO ₂	mg/Nm ³	450
5	NO _x	mg/Nm ³	765
6	CO	mg/Nm ³	900

2.5. Vị trí, phương thức xả thải khí:

- Vị trí xả thải:
 - + Ống xả sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
 - Tọa độ xả thải: theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45' múi chiều 3°:
 - + Tọa độ ống xả hệ thống xử lý khí thải: X: 2389927; Y: 544632
- Phương thức xả thải: Cường bức bằng quạt hút, chế độ xả thải liên tục 24/24h, xả thải hàng ngày.

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:
 - + Nguồn số 1: Từ khu vực nghiền.
 - + Nguồn số 2: Từ khu vực sấy.
 - + Nguồn số 03: Từ khu vực ép viên
 - + Nguồn số 03: Từ khu vực máy phát điện.

- Giới hạn cho phép

+ Tiếng ồn không vượt giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA như sau:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

+ Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung như sau:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép dB	
		Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải trong 2 năm của Công ty

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả quan trắc 2022				QCVN 40:2011/BTNMT cột B
			Quý I/ 2022	Quý II/ 2022	Quý III/ 2022	Quý IV/ 2022	
1	pH	-	6,88	6,91	6,92	6,87	5,5 – 9
2	Độ màu	Pt/Co	41	37	25	211	150
3	TSS	mg/l	18	16	18	37	100
4	BOD ₅	mg/l	2,2	6	9,6	4	50
5	COD	mg/l	6	14	24	12	150
6	Asen (As)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1
7	Chì (Pb)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,5
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01
9	Đồng (Cu)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	2
10	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	3
11	Mangan (Mn)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	1
12	Sắt (Fe)	mg/l	0,035	0,119	0,27	0,07	5
13	Sunfua	mg/l	0,33	KPH	KPH	KPH	0,5
14	Amoni	mg/l	KPH	5,8	2,91	0,01	10
15	Tổng Nito	mg/l	5,3	36,1	12,5	9,2	40
16	Tổng Photpho	mg/l	0,288	KPH	0,26	KPH	6
17	Coliform	mg/l	130	1.100	1.100	930	5.000
TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả quan trắc 2023			QCVN 40:2011/BTNMT cột B	
			Quý I/ 2023	Quý II/ 2023	Quý III/ 2023		
1	pH	-	7,2	7,12	6,96	5,5 – 9	
2	Độ màu	Pt/Co	18	14	14	150	
3	TSS	mg/l	38	15	31	100	
4	BOD ₅	mg/l	7	11	<1	50	
5	COD	mg/l	18	32	4	150	
6	Asen (As)	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,1	
7	Chì (Pb)	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,5	
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,01	
9	Đồng (Cu)	mg/l	KPH	KPH	KPH	2	
10	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH	KPH	KPH	3	
11	Mangan (Mn)	mg/l	KPH	KPH	KPH	1	
12	Sắt (Fe)	mg/l	0,287	0,059	0,05	5	

13	Sunfua	mg/l	0,387	KPH	KPH	0,5
14	Amoni	mg/l	KPH	0,11	KPH	10
15	Tổng Nito	mg/l	6,76	12,13	4,52	40
16	Tổng Photpho	mg/l	0,055	0,171	0,061	6
17	Coliform	mg/l	700	280	110	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B);
- Nhận xét: Qua các kết quả quan trắc định kỳ nhận thấy các thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT (cột B);

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Kết quả quan trắc định kỳ khí thải của nhà máy được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả quan trắc 2022				QCVN 19/2009/BTNMT cột B
			Quý I/ 2022	Quý II/ 2022	Quý III/ 2022	Quý IV/ 2022	
1	Nhiệt độ	°C	67	102	76	98	-
3	Lưu lượng	Nm ³ /h	9.169	9.090	12.677	9.337	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	76	55	77	57	200
5	CO	mg/Nm ³	189	175	179	131,1	1.000
6	SO ₂	mg/Nm ³	24	21,7	21	34,06	500
7	NO _x	mg/Nm ³	17	33,3	10,3	35,72	850
TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả quan trắc 2023			QCVN 19/2009/BTNMT cột B	
			Quý I/ 2023	Quý II/ 2023	Quý III/ 2023		
1	Nhiệt độ	°C	87	92	102	-	
2	Lưu lượng	Nm ³ /h	120.824	115.218	80.103	-	
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	54	43	48	200	
4	CO	mg/Nm ³	834	812	706	1.000	
5	SO ₂	mg/Nm ³	0	<2,62	<2,62	500	
6	NO _x	mg/Nm ³	29	30	58	850	

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B);
- Nhận xét: Qua các kết quả quan trắc định kỳ nhận thấy các thông số ô nhiễm

trong mẫu khí thải sau xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT (cột B);

CHƯƠNG VI:
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Dự án “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” tại lô số 2, CCN làng nghề Sóc Đăng, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 2047/GXN-UBND ngày 20 tháng 05 năm 2021 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành với các công trình sau: hệ thống xử lý nước thải tập trung 5 m³/ngày.đêm; hệ thống xử lý khí thải lò đốt; các công trình thu gom và lưu trữ chất thải. Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy không có điều chỉnh thay đổi, do đó công ty sẽ chỉ thực hiện vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý khí thải lò đốt của nhà máy cụ thể như sau:

Bảng 6.1: Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm của nhà máy

Hệ thống xử lý	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Hiệu suất xử lý
Hệ thống xử lý khí thải	01/03/2024	29/04/2024	90-95%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.

Trong quá trình quan trắc chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình. Công ty dự kiến mời đơn vị quan trắc có đủ điều kiện hoạt động phối hợp thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn của Pháp luật Việt Nam.

Bảng 6.2: Kế hoạch quan trắc đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định.

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu, quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc	Tiêu chuẩn so sánh
1	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt	03 mẫu trong 3 ngày liên tiếp	Từ 04/04/2024 đến 06/04/2024	Nhiệt độ, lưu lượng, CO, NO _x , SO ₂ , bụi tổng	QCVN 19:2009 /BTNMT (cột B)

- **Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch**

* Đơn vị tư vấn:

- Tên công ty: Công ty TNHH TQB Phú Thọ.

- Địa chỉ đơn vị tư vấn: Số 28, đường Nguyễn Quang Bích, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Điện thoại: 0915.888.619

- Đại diện người đứng đầu cơ quan tư vấn:

Bà: **Nguyễn Thị Quỳnh** Chức vụ: Giám đốc công ty

* Đơn vị quan trắc dự kiến phối hợp thực hiện

✓ Tên công ty: Công ty cổ phần liên minh môi trường và xây dựng

- Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02432036988; Fax: 0243.2036366

- Số hiệu Giấy chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCETS 185

✓ Tên công ty: Công ty cổ phần công nghệ và kỹ thuật Hatico Việt Nam

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Số 3, ngõ 134/44/9 đường Cầu Diễn, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

- Số hiệu Giấy chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCETS 269

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

a. Giám sát chất lượng môi trường nước

Vị trí giám sát: 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- Các chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, TSS, sunfua, amoni, nitrat, tổng dầu mỡ khoáng, tổng photpho, tổng Coliform.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần;

- Tiêu chuẩn đánh giá: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

b. Giám sát khí thải

Vị trí giám sát: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt

- Các chỉ tiêu quan trắc: Nhiệt độ, lưu lượng, CO, NO_x, SO₂, bụi tổng.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần;

- Tiêu chuẩn đánh giá: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, với hệ số K_v = 1,0; K_p = 0,9)

b. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Mục tiêu chương trình giám sát chất thải rắn: Đảm bảo quá trình thu gom và thải bỏ cuối cùng các chất thải, tuân thủ đúng các quy định đối với quá trình thu gom và xử lý chất thải rắn hiện hành.

- Các nội dung giám sát chính: Giám sát tình trạng thu gom, quy trình

tạm chứa chất thải. Kiểm kê lại thành phần, khối lượng chất thải rắn đã được hợp đồng với các cơ quan chức năng thu gom và xử lý.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.
- Phương pháp giám sát: Theo quy định hiện hành của Việt Nam về quản lý và xử lý chất thải rắn, bao gồm thu gom, lưu trữ, xử lý sơ bộ, vận chuyển... đối với chất thải rắn thông thường.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

- Giám sát hiện tượng ngập lụt trong mùa mưa, lũ do hệ thống tiêu thoát nước không đáp ứng công suất, không đồng bộ trong hệ thống thoát nước tổng thể của khu vực, hoặc do cường độ mưa quá lớn.
- Giám sát hiện tượng sụt, lún, sạt lở, hư hỏng vỉa hè và giải phân cách giữa do các yếu tố như mưa lũ, tải trọng của các phương tiện tham gia giao thông, hoặc do các hoạt động khác trên vỉa hè của con người...
- Thường xuyên giám sát, kiểm tra việc nạo vét, khơi thông hệ thống tiêu thoát nước tại các vị trí hố ga và cửa thu nước.
- Giám sát việc hư hỏng, sập lún các tấm đan, nắp ngang của hố ga.
- Giám sát sự phát triển của hệ thống cây xanh, thường xuyên chăm sóc, chỉnh trang và đề phòng sự cố gãy đổ khi mùa mưa bão.
- Giám sát thường xuyên hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
- Giám sát thường xuyên hoạt động của hệ thống chiếu sáng.
- Trong quá trình giám sát hàng năm cần thu thập được đầy đủ các thông tin liên quan để đề xuất các giải pháp khắc phục kịp thời.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Căn cứ theo Thông tư số 240/2016/TT - BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại các cơ sở công lập.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA

VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động dự án 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành tổ chức thanh, kiểm tra về lĩnh vực bảo vệ môi trường với Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy công ty đã tuân thủ các biện pháp về bảo vệ môi trường, tuy nhiên do trong quá hoạt động vận hành hệ thống xử lý khí thải lò đốt công ty do trình độ chuyên môn còn hạn chế, vận hành hệ thống xử lý không hiệu quả, công ty đã thải khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép. Do vậy công ty đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 5935/QĐ-XPHC-CSKT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc công an tỉnh Phú Thọ về hành vi *“Thải khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m³/giờ đến dưới 25.000 m³/h”* với hình thức xử phạt phạt tiền với mức phạt trung bình của khung phạt hình vi 160.000.000 đồng và yêu cầu công ty buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hành vi vi phạm. Ngay sau đó, Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ đã nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt, tiến hành nộp phạt vào ngân sách nhà nước (*giấy nộp tiền đóng kèm phụ lục báo cáo*) và rút kinh nghiệm thực hiện các quy định, biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật, kiểm tra theo dõi vận hành hệ thống xử lý khí thải bổ sung đầy đủ hoá chất (Ca(OH)₂), sau đó công ty đã tiến hành lấy mẫu kiểm tra lại chất lượng khí thải vào ngày 13/11/2023 qua kết quả phân tích cho thấy các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (*phiếu kết quả phân tích đóng kèm phụ lục báo cáo*).

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ

Chủ đầu tư cam kết thực hiện dự án đầu tư mở rộng “Nhà máy chế biến viên gỗ nén xuất khẩu” của Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú Quảng Ninh – Phú Thọ:

* Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phòng chống sự cố như đã trình bày trong Báo cáo này đảm bảo đạt các Tiêu chuẩn Việt Nam và Quy chuẩn Việt Nam đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ nhằm nâng cao năng lực quản lý bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và đưa dự án vào hoạt động.

* Thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ theo quy định. Trong quá trình hoạt động của dự án có sự giám định về chuyên môn, có báo cáo định kỳ gửi về cơ quan quản lý môi trường tỉnh Phú Thọ.

* Nếu xảy ra sự cố môi trường chủ đầu tư sẽ báo cáo ngay tới các cơ quan chức năng đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan này để giải quyết khắc phục sự cố hữu hiệu, kịp thời trong thời gian nhanh nhất và sẽ bồi thường khắc phục sự cố.

* Cam kết chịu mọi trách nhiệm đền bù thiệt hại về môi trường, sức khỏe nếu xảy ra các sự cố gây hậu quả xấu đến môi trường.

Kính trình UBND tỉnh Phú Thọ xem xét, thẩm định phê duyệt Giấy phép môi trường để chúng tôi hoàn chỉnh thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Môi trường và các quy định của địa phương.

PHỤ LỤC